

VỀ PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH SINH THÁI TẠI VIỆT NAM

DEVELOPING ECOTOURISM IN VIETNAM

PHAN HUY XU^(*) và VÕ VĂN THÀNH^(**)

TÓM TẮT: Du lịch sinh thái phát triển từ thập niên 1990 và có xu hướng ngày càng tăng mạnh. Nhìn chung, tài nguyên phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam rất đa dạng và phong phú, gắn với không gian 7 vùng du lịch đã được quy hoạch, mỗi vùng có tài nguyên du lịch đặc trưng thu hút du khách. Nhưng trên thực tế, loại hình và sản phẩm du lịch sinh thái ở Việt Nam chưa gây được ấn tượng đến du khách, đặc biệt là du khách thụ hưởng du lịch sinh thái cao cấp với những đòi hỏi về chất lượng sản phẩm nhằm thỏa mãn tổ hợp thể chất, tinh thần và tâm trí của họ. Bài viết này, chúng tôi bàn về loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam với những luận điểm cơ bản như nhận thức về du lịch sinh thái, tiềm năng, thực trạng, những giải pháp giúp cho loại hình du lịch này phát triển có bản sắc, dấu ấn và hòa vào chuẩn mực chung của du lịch sinh thái thế giới.

Từ khóa: du lịch sinh thái; du lịch thiên nhiên; du lịch xanh.

ABSTRACTS: Ecotourism has flourished since the 1990s and become more and more developed. In general, resources for ecotourism development in Vietnam are diverse and plentiful, associated with the seven planned areas of tourism which each has its own unique tourism resources to attract tourists. In fact however, ecotourism products and products in Vietnam have not impressed visitors, especially visitors enjoying high-end ecotourism with high demands on quality products to satisfy their physical, spritual and mental well-being. In this article, we discuss about ecotourism in Vietnam with basic insights such as ecotourism awareness, potential, status and solutions for developing ecotourism with its own identity, impression and harmony with the general standard of world ecotourism.

Key words: ecotourism; nature-based tourism; green tourism.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, ở nước ta nhiều nơi phát triển du lịch sinh thái ồ ạt, mạnh ai nấy làm, không đúng với bản chất và nội hàm của khái niệm du lịch sinh thái. Do đó, hiệu quả thấp không hấp dẫn du khách và phản tác dụng. Vì vậy, chúng ta cần nắm vững khái niệm và đặc điểm

của du lịch sinh thái để xây dựng điểm đến và khu du lịch sinh thái đúng nghĩa khoa học.

Du lịch sinh thái giúp cân bằng các mục tiêu phát triển mà UNESCO và các tổ chức thế giới đưa ra: *Kinh tế - xã hội - môi trường* hoặc: *Kinh tế - văn hóa - xã hội - môi trường*, trong đó, con người là trung tâm của mọi sự

(*) PGS.TS.GVCC. Trường Đại học Văn Lang, xuphanhuy@gmail.com, Mã số: TCKH11-18-2018

(**) ThS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, vonhanchi@gmail.com

phát triển. “*Người ta dự báo rằng, đến thế kỷ XXI con người sẽ biết sống hòa điệu với thiên nhiên, hơn là phá phách tự nhiên và triết lý của thế kỷ XXI là triết lý Tân tự nhiên (Neo-Naturalism)*” [15, tr.332]. Trước đây, con người luôn xem mình ngự trị thiên nhiên, cố gắng cải tạo thiên nhiên và đó là quan điểm sai lầm trong quá trình phát triển khiến cho con người đã và đang phải trả giá bằng những biến đổi khí hậu, thiên tai (nguyên nhân gián tiếp của con người) và nhân tai. Với nhận thức mới hiện nay, trong cuộc chinh phục tự nhiên, con người đang từng bước nhận ra rằng, mình không thể đóng vai ông chủ, mà cần phải là những người bạn thân thiện với môi trường sống [7, tr.373]. Bà Gro H. Brundtland (1990), nguyên Thủ tướng Na Uy từng nhận định: “*Có hai mối nguy hiểm lớn đang rình rập chúng ta: chạy đua vũ trang hạt nhân và nguy cơ ô nhiễm. Tức là hai quả bom: quả bom hạt nhân và quả bom sinh thái*” [3, tr.269]. Theo cách nói của bà, “quả bom sinh thái” đang dần hiện hữu rõ nét hơn với môi trường sinh thái toàn cầu. Trong bài viết này, chúng tôi làm rõ khái niệm du lịch sinh thái cũng như những đặc trưng của nó, tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam cùng với những giải pháp cho du lịch sinh thái phát triển bền vững, có điểm nhấn và góp phần vào mục tiêu đưa ngành Du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

2. NỘI DUNG

2.1. Các khái niệm liên quan

Từ năm 2002, Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đưa ra thông điệp “*Du lịch sinh thái - chìa khóa để phát triển du lịch bền vững*” đã hướng các quốc gia đến phát triển sinh thái như một loại hình du lịch cơ

bản của phát triển bền vững. Trên thực tế, ở nhiều nước việc tập trung phát triển du lịch thiên nhiên và du lịch sinh thái đang là một ngành kinh doanh sinh lợi, nhiều triển vọng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong thu hút ngoại tệ [2].

Có nhiều khái niệm về du lịch sinh thái đã được đề xuất theo góc độ chuyên môn và cách nhìn của các tổ chức, cá nhân các nhà nghiên cứu du lịch học. Khái niệm du lịch sinh thái đã được các nhà sinh thái học đưa ra vào những năm 1960 và các nhà nghiên cứu du lịch chấp nhận trong những năm 1980 khi du lịch sinh thái là một phân khúc du lịch phát triển nhất trong những năm 1990 [18, tr.12]. Một số quan niệm nổi bật về du lịch sinh thái, theo Tổ chức Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN): “*Du lịch sinh thái là sự đi du lịch tham quan có trách nhiệm đối với môi trường tại những nơi còn tương đối nguyên sơ để thưởng thức và hiểu biết về thiên nhiên, có hoặc không kèm theo đặc trưng văn hóa bản địa, có sự hỗ trợ đối với công tác bảo tồn và ít tác động đến môi trường, giúp du khách tham gia thiết thực và có ích đối với văn hóa xã hội của người dân địa phương*” [16, tr.113].

Bộ quy tắc ứng xử đạo đức toàn cầu trong du lịch của WTO (nay là UNWTO) từ năm 1999 cũng đã khẳng định, du lịch thiên nhiên và du lịch sinh thái đặc biệt có lợi để làm phong phú và nâng cao vị thế của du lịch, giúp họ tôn trọng các di sản thiên nhiên, cư dân địa phương và phù hợp với năng lực thực hiện của các điểm tham quan [17]. Trước và sau đề xuất của Tổ chức Du lịch thế giới (1999), một loạt các quốc gia phát triển du lịch ngày càng quan tâm đến du lịch sinh thái, chẳng hạn như Úc

(1994), Hoa Kỳ (1998), Nepal, Malaysia,... đưa ra định nghĩa du lịch sinh thái làm khung lý thuyết triển khai phát triển du lịch sinh thái trong thực tiễn [8, tr.131- 133].

Hội nghị Thượng đỉnh Quốc tế về Du lịch sinh thái tại Québec, Canada (2002) đã cố gắng làm rõ sự nhầm lẫn này bằng cách sử dụng khái niệm *du lịch sinh thái* như một công cụ thực hiện bảo tồn và phát triển bền vững với một số đặc điểm nhận diện du lịch sinh thái như: Du lịch sinh thái đóng góp một cách tích cực cho việc bảo vệ các di sản tự nhiên và văn hóa; Du lịch sinh thái đưa cộng đồng dân cư địa phương tham gia việc phát triển và khai thác loại hình du lịch này, đồng thời đóng góp vào việc nâng cao cuộc sống của họ; Du lịch sinh thái cung cấp cho du khách sự diễn giải về các tài nguyên tự nhiên và văn hóa; Du lịch sinh thái phù hợp với du lịch cá nhân cũng như các chuyến du lịch được các tổ chức cho các nhóm nhỏ [18, tr.13-14].

Các nhà nghiên cứu trên thế giới cũng đề xuất những định nghĩa về du lịch sinh thái, có thể kể đến Hector Ceballos Lascurain, người Mexico (kiến trúc sư, nhà môi trường học, cố vấn du lịch sinh thái quốc tế từ năm 1987) đã đưa ra định nghĩa du lịch sinh thái: *“Du lịch sinh thái đến những khu vực tự nhiên ít bị ô nhiễm hoặc ít bị xáo trộn với những mục tiêu đặc biệt: nghiên cứu, trân trọng và thưởng ngoạn phong cảnh và giới động thực vật hoang dã cũng như những biểu thị văn hóa (cả quá khứ và hiện tại) được khám phá trong những khu vực này”* [8, tr.131].

Tại Việt Nam, Hội thảo “Xây dựng chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam” (1999) đề xuất định nghĩa du

lịch sinh thái: *“Là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”* [14]. Luật Du lịch (2005): *“Du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững”* [Khoản 19, Điều 4]. Luật Du lịch Việt Nam sửa đổi (2017): *“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường”* [Khoản 16, Điều 3].

Đặc điểm của du lịch sinh thái

Martha Honey với bài viết *Ecotourism and sustainable development - Who owns paradise?*, cho rằng du lịch sinh thái có bảy đặc điểm: 1) Những đặc điểm du lịch tự nhiên; 2) Hạn chế những tác động tiêu cực đến sinh thái (từ khách sạn, rác thải, hành vi du khách); 3) Xây dựng nhận thức đúng đắn về môi trường (giáo dục du khách và cộng đồng địa phương); 4) Cung cấp lợi ích tài chính trực tiếp cho việc bảo tồn; 5) Cung cấp tài chính và quyền lợi hợp pháp cho người dân địa phương; 6) Tôn trọng văn hóa bản địa; 7) Vấn đề dân chủ và thể chế [4, tr.29].

Theo Hector Ceballos Lascurain, trong lời nói đầu bài *Global ecotourism policies and Case studies - Perspectives and Constraints*, hầu hết các nhà nghiên cứu du lịch đều cho rằng, du lịch sinh thái có những đặc điểm như sau: 1) Hoạt động của du lịch sinh thái được tiến hành trong một bối cảnh tự nhiên tương đối chưa bị xáo trộn; 2) Những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch được

giảm thiểu; 3) Hoạt động du lịch hỗ trợ cho sự bảo tồn di sản tự nhiên và văn hóa; 4) Liên quan đến các cộng đồng địa phương trong quá trình thực hiện và cung cấp lợi ích cho họ; 5) Đóng góp cho sự phát triển bền vững và là một công việc có lợi; 6) Yếu tố giáo dục/đánh giá/giải thích (di sản tự nhiên và văn hóa) phải được hiện hữu [5].

Loại hình du lịch sinh thái có một số đặc điểm nổi bật như sau: 1) *Gắn liền với giáo dục môi trường, bảo vệ hệ sinh thái thông qua du lịch*; 2) *Chú trọng mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên hoang dã*; (3) *Giảm thiểu tác động tiêu cực của du khách đến môi trường, văn hóa bản địa* [11, tr.146].

Nhìn chung, các định nghĩa về du lịch sinh thái có sự thống nhất cao về nội dung với bốn đặc điểm: Du lịch sinh thái phải được thực hiện trong môi trường tự nhiên còn hoang sơ hoặc tương đối hoang sơ gắn với văn hóa bản địa; Du lịch sinh thái hỗ trợ tích cực cho công tác bảo tồn các đặc tính tự nhiên, văn hóa và xã hội tại điểm tham quan; Du lịch sinh thái có tính giáo dục môi trường cao và có trách nhiệm với môi trường; Du lịch sinh thái phải mang lại lợi ích cho cư dân địa phương và có sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương [18, tr.14-17].

Những đặc điểm cơ bản của du lịch sinh thái là dựa vào giá trị của cảnh quan thiên nhiên, kết hợp với văn hóa bản địa nhằm nỗ lực phát triển bền vững về môi trường, văn hóa và cộng đồng cư dân bản địa.

Đặc điểm của du lịch sinh thái ở Việt Nam: phát triển dựa vào giá trị (hấp dẫn) của thiên nhiên và văn hóa bản địa, được quản lý bền vững về môi trường sinh thái, có giáo dục, diễn giải về môi trường, có

đóng góp cho những nỗ lực bảo tồn và phát triển cộng đồng [6].

Liên quan đến du lịch sinh thái, chúng tôi trình bày thêm các thuật ngữ:

Khách du lịch sinh thái: là những du khách tìm hiểu, trải nghiệm, thẩm nhận giá trị sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn tại các điểm đến.

Hệ sinh thái tự nhiên: là một hệ thống mở hoàn chỉnh, bao gồm các quần xã sinh vật và khu vực sống của sinh vật. Hệ sinh thái bao gồm hệ động vật, thực vật, vi sinh vật và môi trường vô sinh như ánh sáng, nhiệt độ, chất vô cơ,... Hệ sinh thái thường được chia thành hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân văn.

Hệ sinh thái nhân văn: là mối quan hệ có hệ thống giữa con người, xã hội và tự nhiên.

Tóm lại, du lịch sinh thái không cho phép con người can thiệp vào các hệ sinh thái tự nhiên, cho dù là can thiệp mang lại lợi ích kinh tế - xã hội cho con người và con người chấp nhận đền bù bằng vật chất cho những thiệt hại mà họ gây ra đối với tự nhiên [18, tr.15].

2.2. Tiềm năng du lịch sinh thái Việt Nam

Tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho du lịch sinh thái tại Việt Nam rất đa dạng và phong phú. Nước ta có tài nguyên địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, động thực vật rất đặc biệt (có khoảng 21.000 loài thực vật, gần 12.000 loài động vật, trong đó có nhiều loài đặc hữu, có những loài được đưa vào *Sách Đỏ* của thế giới như Sao La, Voọc mũi hếch, Bò biển,...), là 1/10 quốc gia có đa dạng sinh học phong phú nhất thế giới, xếp hạng thứ 16 trên thế giới về mức độ đa dạng của tài nguyên sinh vật (theo WCMC) và là một trong các nước được ưu

tiên cho bảo tồn toàn cầu. Đến hết năm 2017, UNESCO công nhận đến 10 khu dự trữ sinh quyển thế giới ở Việt Nam, 8 khu Ramsar của thế giới. Trên cả nước có khoảng 300 hang động,... có 3.260 km bờ biển với 125 bãi tắm, hầu hết là các bãi tắm đẹp. Nước ta là 1/12 quốc gia có vịnh đẹp nhất thế giới,... có nhiều sông, hồ nổi tiếng như sông Hồng, sông Tiền, sông Hậu; hồ Ba Bể,... Hiện có 164 rừng đặc dụng, trong đó có 31 vườn Quốc gia, 69 khu bảo tồn tự nhiên, 45 khu vực bảo vệ cảnh quan, 20 khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học. Một số di sản tự nhiên được UNESCO vinh danh như: Vịnh Hạ Long, Di sản Thiên nhiên Thế giới (1994, 2000); Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003, 2015); Công viên địa chất Cao Nguyên đá Đồng Văn (2010); Di sản Tự nhiên và Văn hóa Danh thắng Tràng An (2014); Công viên địa chất Non nước Cao Bằng (2018). Đây là những tài nguyên rất tốt để nghiên cứu, tìm hiểu, phát triển loại hình du lịch sinh thái, tham quan tìm hiểu về đời sống động thực vật hoang dã và văn hóa bản địa.

Chính vì vậy, chiến lược phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 2001 - 2010, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam cho thời kỳ mới đến năm 2020, và tầm nhìn đến năm 2030 luôn xác định du lịch sinh thái là một trong các dòng sản phẩm du lịch chính, có sức cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới [2].

2.3. Thực trạng và thách thức của phát triển du lịch sinh thái Việt Nam

Theo UNWTO (2002), loại hình du lịch sinh thái đòi hỏi cao và chặt chẽ về ý nghĩa giáo dục cho du khách sự tôn trọng, bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa,

đồng thời mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương. Du khách không chỉ thưởng thức thiên nhiên mà quan trọng hơn là phải biết tôn trọng, bảo tồn, giữ gìn thiên nhiên, môi trường, đồng thời phải biết tôn trọng, bảo tồn giá trị văn hóa và quyền lợi kinh tế của cộng đồng địa phương. Lâu nay, vì không nhận thức đúng về khái niệm, nội dung của du lịch sinh thái và do lợi ích cục bộ, cá nhân nên một số điểm du lịch sinh thái đã làm sai lệch, tùy tiện. Chẳng hạn, có những nơi người ta giết thịt động vật, chặt phá cây rừng và xả rác khắp nơi; Một số điểm du lịch sinh thái xây dựng giả tạo, sai quy luật môi trường thiên nhiên, làm hủy hoại tài nguyên. Cơ quan quản lý cần có chính sách, chế tài xử lý theo pháp luật đối với các điểm du lịch sinh thái trên. Nhà quản lý, nhà kinh doanh, nhà khoa học và cộng đồng dân cư cần gắn kết, hợp tác, tổ chức, xây dựng điểm du lịch sinh thái đúng như bản chất của nó [10].

Phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam mới đi những chặng đường đầu tiên, bắt đầu từ cuối thập kỷ 90 trở lại đây, du lịch sinh thái mới nổi lên và dần dần phát triển trở thành một lĩnh vực đầy hứa hẹn. Lượng khách du lịch trong và ngoài nước tăng lên nhanh chóng, chiếm khoảng 8% tổng số khách quốc tế. Để có thể phát triển du lịch sinh thái bền vững và có trách nhiệm, chúng ta cần hiểu đúng thế nào là du lịch sinh thái và ứng dụng trong hoàn cảnh ở Việt Nam. Cần thấy rằng, du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào các giá trị tự nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững. Ở một khía cạnh khác, có thể hiểu du lịch sinh thái là loại hình du

lịch mà lợi ích của nó gắn chặt với trách nhiệm bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương. Sản phẩm du lịch sinh thái của Việt Nam chưa thật sự tạo ra điểm nhấn trong cảm nhận của du khách trong và ngoài nước.

Với Nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc “Du lịch sinh thái - Chìa khóa để xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường”, du lịch Việt Nam cần có nhiều luận cứ để nâng cao chất lượng du lịch sinh thái và đóng góp cho du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn [2].

Tài nguyên thiên nhiên và nhân văn của nước ta rất phong phú và đa dạng. Tiềm năng về du lịch sinh thái rất lớn nhưng thực tế để có một mô hình du lịch sinh thái đúng nghĩa là không dễ dàng. Do hiểu sai khái niệm du lịch sinh thái nên nhiều nơi đã xây dựng mô hình du lịch sinh thái giả tạo, khiên cưỡng, chấp vá, thay đổi cảnh quan tự nhiên bằng cảnh quan nhân tạo, chặt rừng, đào ao và kênh rạch, nuôi, nhốt động vật và trồng một số cây,... rồi treo biển quảng cáo đó là du lịch sinh thái. Nơi đó, lại tiếp đón nhiều du khách làm cho “sức chứa” quá tải. Du khách đến ngắm cảnh và ăn nhậu thịt rừng các loại,... Như vậy, rõ ràng đó không phải là một hình du lịch sinh thái.

Thực trạng về du lịch sinh thái nhân văn chưa có gì nổi trội và hấp dẫn. Về hướng dẫn viên du lịch sinh thái còn rất thiếu và yếu, đặc biệt chưa am hiểu khoa học sinh thái nhiệt đới và cận nhiệt đới. Tuy nhiên, ở nước ta, cũng có trên 10 khu du lịch sinh thái được vinh danh, đặc biệt là Topas Ecolodge (ở Sa Pa) đã được *Tạp chí National Geographic* ca ngợi. Ngoài ra,

một số địa phương đã giữ gìn, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn phục vụ tốt cho du lịch sinh thái. Nhưng ở một số vùng miền, hệ sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn đang bị suy thoái. Theo kết quả của báo cáo thường niên năm 2012 mang tên *The Environmental Performance Index (EPI)* của hai trung tâm nghiên cứu môi trường thuộc Đại học Yale và Columbia thực hiện, về ảnh hưởng của chất lượng không khí, Việt Nam đứng thứ 123 trong bảng xếp hạng 132 quốc gia khảo sát, được xem là có không khí bẩn thứ 10 thế giới. Ở miền núi, tình trạng phá rừng làm cho cảnh quan đồi núi nhàm nhở, xơ xác, ảnh hưởng đến du lịch sinh thái. Ở miền biển và hải đảo, tình trạng rác thải và nước xả thải công nghiệp làm cho du khách nước ngoài phàn nàn. Ví dụ, một nhóm du khách Hoa Kỳ đầu năm 2017 khi đến Cù Lao Chàm đã phàn nàn về rác. Ở nông thôn, cảnh vứt bừa rác, gà vịt, heo bị chết bệnh ra sông, rạch. Một số nhà máy hoặc lò gạch gây ô nhiễm nguồn nước và không khí khiến cho dân địa phương bức xúc. Ở các đô thị, nhất là các thành phố lớn, tình trạng kẹt xe, rác thải, tiếng ồn, nhà vệ sinh bẩn đáng sợ đã làm cho du khách khó chịu.

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch mang lại cho du khách sự trải nghiệm, thẩm nhận, cảm thụ, giải trí về thiên nhiên và nhân văn. Nhưng thực trạng ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi khá trầm trọng đã và đang làm cho du khách thất vọng. Đó là chưa kể đến những sản phẩm du lịch sinh thái nghèo nàn, dịch vụ du lịch còn yếu kém đã làm cho phần lớn du khách nước ngoài không trở lại Việt Nam (theo số liệu khảo sát có đến hơn 85% du khách nước

ngoài không trở lại Việt Nam). Trên thực tế cho thấy, hầu hết các điểm du lịch sinh thái của nước ta hiện nay đều không tuân theo một nguyên tắc nào. Người ta chỉ làm du lịch theo kiểu “mì ăn liền”, không cần biết rằng một trong những yêu cầu cơ bản để tiếp cận du lịch sinh thái là khả năng nhận thức cùng với trách nhiệm cao đối với các giá trị thiên nhiên, rằng mọi hoạt động đều phải hướng tới sự phát triển bền vững. Tất cả cần một hành động mới và cụ thể từ giữ gìn vệ sinh với cộng đồng, hạn chế gây ô nhiễm nước, không khí, rác thải, tiếng ồn và tiết kiệm năng lượng.

Một thách thức nữa đối với du lịch sinh thái Việt Nam đó là tác động xấu của biến đổi khí hậu trong những năm gần đây mà theo các nhà khoa học, Việt Nam có khoảng 40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích Đồng bằng sông Hồng, 3% diện tích của các địa phương khác thuộc khu vực ven biển sẽ bị ngập nước, sẽ có khoảng 10 - 12% dân số Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp, với tổn thất khoảng 10% GDP [19].

Như vậy, hệ sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn của nước ta sẽ bị tác động lớn, ảnh hưởng không tốt đến du lịch sinh thái. Những năm gần đây, chỉ lấy ví dụ ở rừng tràm Trà Sư, An Giang, biến đổi khí hậu đã làm nhiệt độ tăng cao, tình trạng hạn hán kéo dài gây thiếu nước, tăng nguy cơ cháy rừng; lũ lụt không theo quy luật, làm thời gian phục vụ du lịch sinh thái ngắn lại, đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng tràm bị mất đi cũng ảnh hưởng đến tính hấp dẫn đối với khách du lịch, cơ sở hạ tầng bị hư hại, người dân địa phương bị ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống [1].

Có thể dễ nhận ra những hạn chế trong phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam: Du lịch với số đông du khách tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, khu vực nhạy cảm; Chưa có chiến lược trong quy hoạch, phân vùng phát triển du lịch sinh thái; Quy mô và hình thức tổ chức hoạt động du lịch sinh thái còn nhỏ lẻ; Chưa có các nghiên cứu thị trường bài bản cũng như việc quảng bá du lịch sinh thái còn yếu; Công tác quản lý du lịch sinh thái còn hạn chế; Thiếu sự đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật; Không tuân thủ các nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, phá vỡ cảnh quan. Các trung tâm giáo dục môi trường cho du khách còn yếu.

Không gian phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam dựa trên tổ chức không gian du lịch Việt Nam bao gồm:

1) *Vùng trung du miền núi Bắc Bộ*: Du lịch sinh thái trải nghiệm thiên nhiên hùng vĩ. Tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu hệ sinh thái, đa dạng sinh học rừng á nhiệt đới núi cao và rừng thường xanh nhiệt đới; Hệ sinh thái nông nghiệp (ngắm cảnh theo mùa, tham quan ruộng bậc thang).

2) *Vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc*: Du lịch sinh thái, khám phá đa dạng sinh học và di sản thiên nhiên thế giới. Tham quan thắng cảnh, tìm hiểu hệ sinh thái núi đá vôi ngập nước - di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu khu dự trữ sinh quyển thế giới châu thổ sông Hồng.

3) *Vùng du lịch Bắc Trung Bộ*: Du lịch sinh thái hang động và đa dạng sinh học Đông Trường Sơn. Tham quan, thám hiểm hệ sinh thái núi đá vôi, hang động di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng;

Tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu đa dạng sinh học Đông Trường Sơn.

4) *Vùng duyên hải Nam Trung Bộ*: Du lịch sinh thái biển đảo. Tham quan, trải nghiệm thắng cảnh biển, hệ sinh thái biển: cồn cát, rạn san hô, thảm cỏ biển.

5) *Vùng Tây Nguyên*: Du lịch sinh thái - trải nghiệm cảnh quan vùng cao nguyên đất đỏ bazan. Tham quan, tìm hiểu các hệ sinh thái rừng Khộp (rừng thưa lá rộng, rụng lá theo mùa). Du lịch sinh thái gắn liền du lịch cộng đồng và tham quan bản làng dân tộc.

6) *Vùng Đông Nam Bộ*: Du lịch sinh thái sông. Tham quan, tìm hiểu hệ sinh thái dọc tuyến sông Sài Gòn, hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ.

7) *Vùng Đồng bằng sông Cửu Long*: Du lịch sinh thái - hệ sinh thái đất ngập nước. Tham quan, tìm hiểu hệ sinh thái đất ngập nước nội địa với hệ thống các kênh rạch Đồng bằng sông Cửu Long; Tham quan, tìm hiểu hệ sinh thái ngập mặn ven biển.

2.4. Một số giải pháp cần thiết để phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam

1) Nâng cao nhận thức về du lịch sinh thái (thông qua giáo dục, tuyên truyền...), trong đó việc am hiểu đúng về khái niệm du lịch sinh thái và đặc điểm du lịch sinh thái để quy hoạch, xây dựng và quản lý đúng đắn mô hình du lịch sinh thái.

2) Cần hoàn thiện cơ chế chính sách để phát triển du lịch sinh thái tương xứng với tiềm năng: phát triển du lịch sinh thái và sớm hội nhập với thế giới, cần có chính sách đúng đắn về cơ sở hạ tầng theo quy hoạch và theo luật. Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực, cán bộ quản lý, hướng dẫn viên, nhân viên phục vụ. Doanh nghiệp tư nhân cần tham gia đầu tư và quản lý du lịch sinh thái có bài

bản. Cộng đồng dân cư địa phương cần được thụ hưởng lợi ích xứng đáng.

3) Các nhà kinh doanh, nhà quản lý, nhà khoa học và nhà dân cần có sự hợp tác, liên kết trong việc quy hoạch, xây dựng, quảng bá du lịch sinh thái.

4) Nhà kinh doanh và công ty lữ hành không được thương mại hóa du lịch sinh thái. Đảm bảo đạo đức du lịch sinh thái, quan tâm đến “sức chứa” của điểm đến du lịch sinh thái.

5) Cần đào tạo bài bản hướng dẫn viên du lịch sinh thái, đặc biệt về kiến thức sinh thái học (tự nhiên và nhân văn), ngoại ngữ để cung cấp đúng đắn về giáo dục môi trường cho du khách (hoặc đào tạo, cấp chứng chỉ hướng dẫn du lịch sinh thái).

6) Cộng đồng địa phương phải được tham gia và hưởng lợi trong các dự án phát triển du lịch sinh thái, được trả công bằng tiền, hiện vật từ du khách hoặc qua các nhà tổ chức du lịch nhằm góp phần tôn tạo cảnh quan sinh thái tại các cộng đồng mà du khách đến tham quan.

7) Các cơ quan quản lý du lịch và chức năng liên quan từ trung ương đến địa phương cần kiểm tra chặt chẽ việc xây dựng các điểm và khu du lịch sinh thái từ khâu quy hoạch đến hoạt động. Xử lý theo Luật các điểm và khu du lịch có nhiều sai phạm.

3. KẾT LUẬN

Cho đến nay, quan niệm về du lịch sinh thái vẫn còn được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau, với nhiều tên gọi khác nhau, mặc dù các nhà khoa học vẫn còn đang tranh luận về định nghĩa này để có thể tìm ra một định nghĩa chung nhất cho du lịch sinh thái. Tựu trung lại, du lịch sinh thái có những đặc điểm như Tổ chức Du lịch Thế

giới (UNWTO), Tổ chức Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), hoặc quan điểm của các cá nhân nhà nghiên cứu như Hector Ceballos Lascrain, Martha Honey đã tổng kết. Ở Việt Nam, các tổ chức và cá nhân các nhà nghiên cứu cũng có quan niệm tương tự, cụ thể là Luật Du lịch Việt Nam (2017). Đây là những quan điểm phù hợp để triển khai phát triển du lịch sinh thái ở nước ta. Du lịch sinh thái không chỉ là về mặt tự nhiên mà còn có liên hệ đến văn hóa, cụ thể là văn hóa cộng đồng dân cư sở tại, “*một trong hai giá trị thiết yếu đối với con người, vượt ra ngoài phương diện kinh tế thuần túy đó chính là văn hóa và môi trường*” [3, tr.276].

Việt Nam được các tổ chức thế giới đánh giá có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái rất cao, tuy nhiên thực trạng hoạt động và khai thác du lịch sinh thái ở Việt Nam còn nhiều bất cập do nhận thức sai lệch về loại hình du lịch sinh thái hoặc các nhà kinh doanh du lịch với tình trạng kinh doanh “ăn xổi”, không quan tâm đúng mức đến du lịch sinh thái khiến cho tình trạng khai thác du lịch sinh thái hiện nay chưa đi đúng hướng và để lại nhiều hậu quả môi

trường và ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân địa phương nơi diễn ra các hoạt động du lịch sinh thái. Trên cơ sở giữ gìn, bảo vệ tài nguyên tự nhiên và nhân văn, xử lý tốt mối quan hệ tự nhiên - con người - xã hội và tổ chức quản lý tốt du lịch sinh thái thì du khách nước ngoài mới cảm thấy hài lòng và đến Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Vấn đề du lịch sinh thái tại Việt Nam là bảo vệ, phát huy giá trị của môi trường sinh thái tự nhiên và nhân văn trong du lịch. Tìm cách hạn chế tác động xấu của biến đổi khí hậu đến cộng đồng dân cư các vùng miền nói chung và khách du lịch nói riêng. Ngoài ra, du lịch sinh thái tại Việt Nam cũng phải tính đến “sức chứa” của điểm tham quan để tránh tình trạng quá tải làm ảnh hưởng đến môi trường sống của sinh vật, con người địa phương hoặc là chất lượng của sản phẩm du lịch sinh thái. *Nghị quyết 08 - NQ/TW* của Bộ Chính trị ngày 16-01-2017 đã xác định mục tiêu đưa du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, sẽ tạo điều kiện cho loại hình du lịch sinh thái Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Kỳ vọng, trong những năm sắp tới, du lịch Việt Nam sẽ bứt phá và đạt nhiều thắng lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Thị Mỹ Lan (2017), *Biến đổi khí hậu tác động đến du lịch sinh thái rừng tràm Trà Sư, An Giang*, luận văn Thạc sĩ 2017.
- [2] Đỗ Thị Thanh Hoa (2016), *Những vấn đề đặt ra tồn phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, <http://www.itdr.org.vn/vi/nghiencuu-traodoi/1230-nhung-van-de-dat-ra-trong-phat-trien-du-lich-sinh-thai-o-viet-nam.html>.
- [3] Gro H. Brundtland (1990), *Gro Harlem Brundtland - Nhà môi trường Na Uy*, Người đưa tin UNESCO, tháng 9, in trong Tạp chí Người đưa tin UNESCO - *Những vấn đề xuyên thế kỷ*.

- [4] Martha Honey (1999), *Ecotourism and sustainable development - Who owns paradise?*, Island press, Washington, USA.
- [5] Micheal Luck, Torsten Kirstges (edited, 2003), *Global ecotourism policies and Case studies - Perspectives and Constraints*, Channel View Publications, UK.
- [6] Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2016), *Tổng quan về nghiên cứu du lịch sinh thái*, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 382, tháng 4.
- [7] Nguyễn Văn Kim (Chủ biên, 2016), *Tiếp biến và hội nhập văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Nguyễn Văn Thuật (2016), *Ý kiến mới về du lịch sinh thái*, *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai*, số 01/2016.
- [9] Phạm Trung Lương (Chủ biên, 2002), *Du lịch Sinh thái - Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [10] Phạm Trương Hoàng (2014), *Hướng du lịch sinh thái phát triển bền vững*, Báo Nhân dân số ra ngày 22/8/2014.
- [11] Phan Huy Xu, Võ Văn Thành (2016), *Bàn về văn hóa du lịch Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [12] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Du lịch*.
- [13] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật Du lịch*.
- [14] Tổng cục Du lịch Việt Nam (1999), *Kỷ yếu hội thảo Xây dựng chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam*.
- [15] Trần Quốc Vượng và các tác giả khác (2015), *Văn hóa Việt Nam - Những hướng tiếp cận liên ngành*, Nxb Văn học.
- [16] Trần Thúy Anh (Chủ biên, 2010), *Ứng xử văn hóa trong du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [17] UNWTO (1999), *Global Code of Ethics for Tourism*, pdf. file.
- [18] Võ Văn Sen, Ngô Thị Phương Lan, Ngô Thanh Loan (Chủ biên, 2018), *Xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù Đồng bằng sông Cửu Long - Từ lý thuyết đến thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [19] Đài Truyền hình Việt Nam VTV1 đưa tin Hội nghị Liên minh Nghị viện thế giới (IPU) họp tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11/5/2017.

Ngày nhận bài: 09-8-2018. Ngày biên tập xong: 04-9-2018. Duyệt đăng: 24-9-2018